

HOSE 04/06/2014

VNINDEX 553.46 **-5.30 -0.95%**
KLGD 67,931,489 CP
GTGD 968.09 Tỷ
GTR NDTNN 0.00 Tỷ

CP Tăng giá 52 CP
CP Giảm giá 169 CP
CP Đứng giá 83 CP



Tâm điểm

- ▶ **Lực bán xuất hiện mạnh hơn ở phiên hôm nay**
- ▶ **Thanh khoản thị trường gia tăng nhẹ**
Tổng giá trị giao dịch đạt mức khoảng 1,500 tỷ đồng
- ▶ **FDI vẫn có xu hướng đổ vào Việt Nam dù căng thẳng Biển Đông**
Đây là nhận định của Khối Nghiên cứu Kinh tế của Ngân hàng HSBC Vietnamplus
- ▶ **Bộ Tài chính: Thu ngân sách vượt 358,500 tỷ đồng sau 5 tháng**
Tăng 16.9% so với cùng kỳ năm ngoái
Vietnamplus
- ▶ **Bộ Công thương: CPI tháng 6 có thể tiếp tục tăng nhẹ**
Được biết, trong tháng 5/2014, CPI tăng nhẹ 0.2% so với tháng 4
Người Đồng Hành
- ▶ **FLC: ĐHCĐ thông qua phương án phát hành cổ phiếu tăng vốn lên 3,750 tỷ**
Được biết, năm 2014, FLC đặt kế hoạch lợi nhuận đạt 350 tỷ đồng
Công Lý
- ▶ **DXG: Vay tối đa 50 tỷ đồng để bổ sung vốn lưu động**
Năm 2014, DXG dự kiến tăng vốn điều lệ từ 750 tỷ đồng lên mức 1,250 tỷ đồng
Người Đồng Hành

HNX 04/6/2014

HNXINDEX 73.90 **-1.06 -1.42%**
KLGD 47,858,275 CP
GTGD 422.96 Tỷ
GTR NDTNN 0.00 Tỷ

CP Tăng giá 51 CP
CP Giảm giá 155 CP
CP Đứng giá 173 CP



VN30 & HNX30 INDEX

VN30 603.83 **-8.66 -1.41%**
HNX30 146.27 **-2.97 -1.99%**

Thị trường / Ngành

	Vốn hóa (tỷ)	P/E	P/B	ROE	ROA
Theo thị trường					
HOSE	992,802	13.5	3.0	20.6%	10.9%
HNX	121,515	17.1	1.6	6.9%	4.0%
Toàn bộ thị trường	1,114,317	15.7	2.9	19.4%	10.2%

Theo ngành

Nhựa, cao su & sợi	7,153	6.0	0.9	15.7%	10.7%
Sản phẩm hóa dầu, Nông dược &	18,669	7.0	1.5	21.1%	15.3%
Thép và sản phẩm thép	35,645	19.3	2.0	18.1%	7.7%
Khai khoáng	11,853	54.1	5.1	1.8%	1.2%
Vật liệu xây dựng & Nội thất	19,126	16.0	1.3	12.2%	8.6%
Xây dựng	27,704	38.7	1.1	-6.9%	1.3%
Máy công nghiệp	7,536	5.8	1.2	21.2%	14.6%
Kho bãi, hậu cần và bảo dưỡng	10,482	12.7	1.4	16.3%	12.4%
Lốp xe	6,817	8.3	2.2	29.1%	12.8%
Nuôi trồng nông & hải sản	15,094	9.3	1.2	14.6%	6.5%
Thực phẩm	202,567	23.1	4.8	21.1%	16.3%
Dược phẩm	15,321	12.2	3.2	25.6%	16.9%
Phần mềm	15,845	9.7	2.0	22.1%	9.6%
Sản xuất & phân phối điện	25,253	6.7	1.2	-4.4%	3.5%
Phân phối xăng dầu & khí đốt	191,621	16.0	5.1	32.9%	22.1%
Bảo hiểm nhân thọ	27,015	21.9	2.2	10.0%	2.3%
Môi giới chứng khoán	22,494	12.2	1.2	8.2%	6.3%
Ngân hàng	240,495	10.8	1.2	11.1%	0.9%
Bất động sản	133,770	11.3	2.5	28.6%	7.0%
Thiết bị và Dịch vụ Dầu khí	36,189	9.5	1.9	20.5%	8.5%

Thống kê thị trường

- ▶ HOSE: Thống kê và nhận định thị trường
- ▶ HNX: Thống kê và nhận định thị trường
- ▶ Tổng hợp chỉ số ngành toàn thị trường

Sac Q. Nguyen

sacnq@vietinbanksc.com.vn

FDI vẫn có xu hướng đổ vào Việt Nam dù căng thẳng Biển Đông

Bộ Tài chính: Thu ngân sách vượt 358,500 tỷ đồng sau 5 tháng

Bộ Công thương: CPI tháng 6 có thể tiếp tục tăng nhẹ

Sac Q. Nguyen

sacnq@vietinbanksc.com.vn

FLC: ĐHCĐ thông qua phương án phát hành cổ phiếu tăng vốn lên 3,750 tỷ đồng

DXG: Vay tối đa 50 tỷ đồng để bổ sung vốn lưu động

CTS: Lợi nhuận 5 tháng đầu năm 201 ước đạt 33.8 tỷ đồng

► Tin kinh tế

Trong bản báo cáo về kinh tế vĩ mô- Triển vọng kinh tế vĩ mô Việt Nam số tháng 6/2014 với chủ đề "Cái nhìn cận cảnh về FDI và giao thương" vừa được công bố của Khối Nghiên cứu Kinh tế của Ngân hàng HSBC (HSBC Global Research), HSBC đánh giá, nhìn từ góc độ tăng trưởng, tác động ngắn hạn của những ảnh hưởng đến từ căng thẳng Biển Đông sẽ tương đối ít. Ngành sẽ bị ảnh hưởng nhiều nhất là dịch vụ du lịch nhưng chỉ là tạm thời. Các nhà đầu tư chính vẫn không thay đổi và vốn FDI vẫn có xu hướng vào Việt Nam.

Theo báo cáo của Bộ Tài chính, thu ngân sách sau năm tháng đã đạt 45.8% dự toán, tương đương số tiền trên 358,500 tỷ đồng, tăng 16.9% so với cùng kỳ năm ngoái. Thống kê cụ thể hơn về những con số trong năm tháng, báo cáo của Bộ Tài chính cho thấy, số thu nội địa tính tới hết tháng Năm đã đạt trên 248,700 tỷ đồng, bằng 46.1% dự toán. Theo đánh giá của cơ quan quản lý, trong số thu nội địa trên, nhiều khoản thu quan trọng đang có tiến độ khá như: thu từ kinh tế quốc doanh đạt 44.3% (tăng 33.8% so với cùng kỳ năm 2013), thu từ khu vực công thương nghiệp ngoài quốc doanh đạt 47.1% dự toán hay thu từ doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài đạt 49.1% dự toán.

Tại hội nghị giao ban tháng 5, Bộ Công thương dự báo chỉ số giá tiêu dùng (CPI) trong tháng 6 có thể tiếp tục tăng nhẹ so với tháng 5. Cơ sở của nhận định trên là nhóm hàng ăn uống ngoài gia đình có thể tăng giá khi bước vào mùa thi, mùa du lịch, nhóm thuốc và dịch vụ y tế có thể tăng khi Tp. Hồ Chí Minh điều chỉnh giá dịch vụ khám chữa bệnh từ đầu tháng 6. Ngoài ra, những bất ổn liên quan đến vấn đề Biển Đông có thể ảnh hưởng đến tỷ giá, nguồn hàng nhập khẩu và giá hàng hóa trong nước. Tuy nhiên, giá cả sẽ không tăng mạnh do thị trường hàng hóa nhìn chung đang vào giai đoạn có nhu cầu không cao, xét cả về nhu cầu xuất khẩu và tiêu dùng trong nước.

► Tin doanh nghiệp

Sáng 4/6/2014, tại ĐHCĐ thường niên 2014, CTCP Tập đoàn FLC (HOSE: FLC) đã thông qua kế hoạch 2014 với chỉ tiêu lợi nhuận 350 tỷ đồng, riêng 6 tháng đầu năm ước đạt 144 tỷ đồng lợi nhuận hợp nhất, thu nhập trên mỗi cổ phần là 930 đồng/cổ phần. Theo Ban lãnh đạo công ty, phương hướng hoạt động sản xuất kinh doanh của FLC năm 2014 là tập trung nguồn lực cho lĩnh vực then chốt là bất động sản với việc triển khai đồng loạt các dự án trọng điểm có quy mô và tổng mức đầu tư lớn. Kết thúc năm 2013, doanh thu của FLC đạt 1,804 tỷ đồng. Lợi nhuận trước thuế đạt 137 tỷ đồng, tăng 350% so với năm 2012. Hiện tại, vốn điều lệ của FLC là 1,543.6 tỷ đồng. Dự kiến phát hành trong năm 2014, tổng số vốn điều lệ của FLC đạt mức 3,750 tỷ đồng.

Ngày 3/6, HĐQT CTCP Dịch vụ và Xây dựng Địa ốc Đất Xanh (HOSE: DXG) đã thống nhất vay vốn tại các ngân hàng với hạn mức tối đa là 50 tỷ đồng để bổ sung vốn lưu động. Năm 2014, DXG dự kiến tăng vốn điều lệ từ 750 tỷ đồng lên mức 1,250 tỷ đồng. Công ty hiện đang tập trung mạnh vào phân khúc khu đô thị hỗn hợp (căn hộ, dịch vụ...); mở rộng sang thị trường tại Hà Nội (không dừng lại ở đầu tư thứ cấp mà tiếp tục đầu tư xây dựng) và tập trung vào mảng bất động sản du lịch (ưu tiên ở Đà Nẵng, Phú Quốc, Nha Trang...). Được biết, trong một tháng qua, giá cổ phiếu DXG đóng cửa dao động trong biên độ 12,500 – 15,900 đồng/cp, khối lượng giao dịch bình quân là 408,256 đơn vị, trị giá giao dịch bình quân là 5.6 tỷ đồng/phiên.

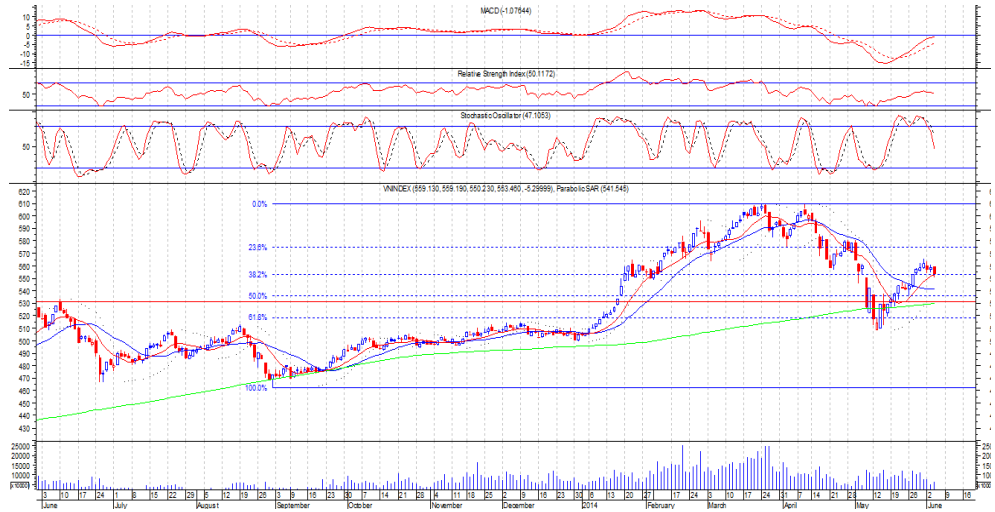
Lãnh đạo CTCK Ngân hàng Công thương (VietinBankSc) (HNX: CTS) cho biết, ước tính trong 5 tháng đầu năm 2014, Công ty đạt lợi nhuận 33.8 tỷ đồng. Được biết, ngày 16/6 tới, VietinbankSC sẽ tổ chức ĐHCĐ 2014 để thông qua kế hoạch doanh thu 150 tỷ đồng và lợi nhuận trước thuế 90 tỷ đồng. Trong năm 2014, Công ty tiếp tục đẩy mạnh hoạt động cung cấp dịch vụ để tăng thu phí; tận dụng thế mạnh của ngân hàng mẹ (Ngân hàng Công thương) để phát triển mạng lưới khách hàng; mở rộng mạng lưới giao dịch của Công ty, tận dụng mạng lưới các chi nhánh của ngân hàng mẹ để tăng thị phần tại các thị trường tiềm năng.

HOSE 04/06/2014 VNINDEX 553.46 -5.30 -0.95% 67,931,489 CP 968.09 bil VND

Lực bán xuất hiện mạnh hơn ở phiên hôm nay

VN-Index giảm 5.30 điểm (-0.95%), đóng cửa tại mức 553.46 điểm. VN-Index hình thành cây nến đỏ, thân nến dài vừa phải, VN-Index có thời điểm sụt giảm khá mạnh nhưng thu hẹp đà giảm lúc đóng cửa.

- MACD tiếp tục tiến về đường zero - base, cho thấy xu thế tăng vẫn tiếp diễn.
- Stochastic Oscillator tiếp tục đi xuống khá mạnh.
- RSI (14) sụt giảm xuống mức 50.
- VN-Index đang có xu hướng tích lũy đi ngang ở vùng điểm 550 - 570 điểm, tương đương với mức Fb 38,2%.



HOSE Top 5 theo KLGD

FLC	-0.6 (-5.7%)	12,331,870
ITA	0 (0.0%)	3,709,210
HQC	-0.3 (-4.5%)	3,197,000
SSI	-0.6 (-2.6%)	3,084,380
IJC	0.1 (0.8%)	2,405,230

HOSE Top 5 theo % tăng

TSC	1.4 (7.0%)	5,540
CCI	0.7 (6.9%)	1,940
HAI	1.5 (6.5%)	2,940
HAX	0.4 (6.2%)	18,150
HOT	1.5 (6.0%)	300

HOSE Top 5 theo % giảm

VIP	-0.9 (-8.7%)	206,140
VNG	-0.7 (-7.0%)	50
TMS	-2.5 (-6.9%)	3,000
CYC	-0.4 (-6.8%)	450
PAC	-1.5 (-6.8%)	16,970

HOSE Top 5 Mua ròng NDTNN

GAS	19,9 tỷ	202,800
DPM	11,4 tỷ	358,310
ITA	8,4 tỷ	1,093,980
CSM	6,3 tỷ	158,650
STB	5,7 tỷ	280,660

HOSE Top 5 Bán ròng NDTNN

HAG	-10,4 tỷ	439,560
KDC	-8,5 tỷ	143,830
VIC	-5,3 tỷ	81,670
EIB	-3,2 tỷ	241,000
NBB	-1,2 tỷ	52,500

GD NDTNN	KL Ròng	GT Ròng (tỷ)
HOSE	4,585,497	0.00

Nhận định / Bình luận thị trường

- ▶ Áp lực bán lớn dần xuất hiện từ đầu phiên sáng đến cuối phiên. Nhiều cổ phiếu trụ đỡ mất giá khiến VN-Index có lúc mất gần 10 điểm.
- ▶ KLGD tăng nhẹ và đạt 67 triệu đơn vị. Khối lượng tăng nhưng vẫn ở mức thấp, cho thấy NĐT vẫn đang khá thận trọng trong giai đoạn này.
- ▶ Khối ngoại mua ròng 56 tỷ trong phiên hôm nay. Việc khối ngoại gia tăng lượng mua ròng sẽ hỗ trợ khá tốt cho thị trường.
- ▶ VN-Index đang có xu hướng giao dịch tích lũy tại vùng điểm 550 - 570 điểm. Chúng tôi cho rằng nhịp tích lũy này là cần thiết khi TT đang không có nhiều tin tức hỗ trợ.
- ▶ NĐT ngắn hạn cần nhắc bán chốt lời, đặc biệt là các mã cổ phiếu có tính đầu cơ cao. Hạn chế việc mở vị thế mua mới.

HOSE - Top 10 theo vốn hóa

Mã CK	SLCPLH (triệu)	Giá (000')	Vốn hóa (tỷ)	P/E (lần)	P/B (lần)	ROE	ROA
GAS	1,895.0	98.5	186,657.50	16.5	5.2	33.4%	22.6%
VNM	833.4	124.0	103,346.23	16.2	5.5	36.4%	29.1%
MSN	734.9	99.0	72,756.22	220.5	4.9	2.2%	0.7%
VCB	2,317.4	28.5	66,046.39	15.2	1.5	10.4%	1.0%
VIC	894.2	64.5	57,678.51	8.1	3.9	47.0%	11.1%
CTG	3,723.4	14.5	53,989.37	8.6	1.0	11.4%	1.1%
BID	2,811.2	14.5	40,762.44	8.8	1.2	14.2%	0.8%
BVH	680.5	38.1	25,925.96	21.9	2.2	10.0%	2.3%
HPG	481.9	49.0	23,613.50	10.4	2.4	25.0%	10.7%
STB	1,142.5	20.3	23,192.99	10.6	1.4	13.5%	1.3%

HOSE - Cổ phiếu khuyến nghị theo dõi / mua / bán / nắm giữ

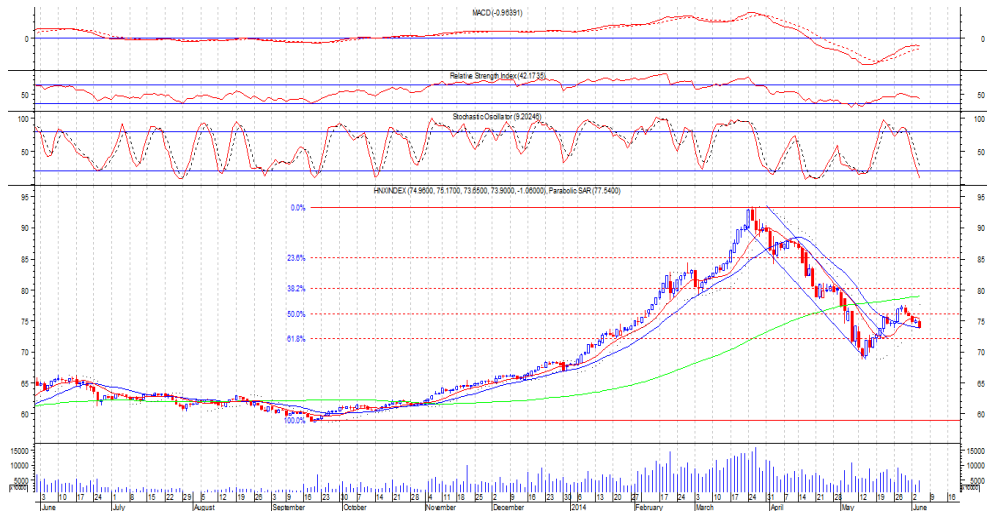
Mã CK	SLCPLH (triệu)	Giá (000')	Vốn hóa (tỷ)	P/E (lần)	P/B (lần)	Giá mục tiêu	Khuyến nghị
PVT	232.6	12.9	3,000.54	12.6	1.1	NA	TH.DOI
FPT	343.9	44.4	15,268.90	9.6	2.1	NA	TH.DOI
CII	112.9	17.5	1,975.08	14.2	1.3	NA	TH.DOI
BMP	45.5	67.5	3,069.80	8.1	2.0	NA	TH.DOI
NHS	60.8	11.5	698.63	5.1	0.8	NA	TH.DOI
FDC	27.6	18.6	513.55	1.9	0.8	NA	TH.DOI

HNX 04/06/2014 HNX-Index 73.90 -1.06 -1.42% 47,858,275 CP 422.96 bil. VND

Lực bán xuất hiện mạnh hơn ở phiên hôm nay

Chỉ số HNX-Index giảm 1.06 điểm (-1.42%), đóng cửa tại mốc 73.90 điểm. HNX-Index tạo thành cây nến đỏ với thân nến vừa phải, HNX-Index giảm điểm mạnh đầu phiên chiều và đóng cửa ở mức thấp trong phiên.

- Chỉ báo Stochastic Oscillator tiếp tục sụt giảm mạnh và đi vào vùng quá bán.
- MACD tiếp tục gia tăng mạnh về đường zero - base.
- RSI (14) sụt giảm về mức 44.
- HNX-Index đang có xu hướng giao dịch tích lũy ở vùng Fb 50%.



HNX Top 5 theo KLGD

PVX	-0.2 (-3.9%)	7,932,280
SHB	-0.2 (-2.2%)	5,411,990
SCR	-0.3 (-3.7%)	4,984,780
KLS	-0.5 (-4.6%)	4,116,490
KLF	-0.6 (-5.4%)	3,127,400

HNX Top 5 theo % tăng

SGH	48.5 (100.0%)	-
VTL	0.8 (10.0%)	59,700
PPP	0.6 (9.7%)	100
VE8	0.5 (9.6%)	100
SED	1.6 (9.5%)	100

HNX Top 5 theo % giảm

AME	-0.5 (-10.0%)	5,400
DAD	-1.7 (-10.0%)	400
VC3	-1.3 (-10.0%)	100
INC	-0.7 (-9.7%)	1,000
PIV	-0.4 (-9.5%)	100

HNX Top 5 Mua ròng NDTNN

PVS	5,3 tỷ	205,500
DBC	2,0 tỷ	100,000
LAS	1,5 tỷ	38,000
CAN	0,8 tỷ	25,000
CSC	0,6 tỷ	35,000

HNX Top 5 Bán ròng NDTNN

IVS	-0,4 tỷ	64,000
STC	-0,3 tỷ	20,000
EFI	-0,2 tỷ	30,800
EBS	-0,1 tỷ	9,500
PVL	0,0 tỷ	10,000

GD NDTNN	KL Ròng	GT Ròng (tỷ)
HNX	517,500	0.00

Nhận định / Bình luận thị trường

- ▶ Áp lực bán lớn dần xuất hiện từ đầu phiên sáng đến cuối phiên. Nhiều cổ phiếu trụ đỡ mất giá khiến HNX-Index mất hơn 1%.
- ▶ KLGD tăng nhẹ và đạt 46 triệu đơn vị. Khối lượng tăng nhưng vẫn ở mức thấp, cho thấy NĐT vẫn đang khá thận trọng trong giai đoạn này.
- ▶ Khối ngoại mua ròng 10,8 tỷ trong phiên hôm nay. Việc khối ngoại gia tăng lượng mua ròng sẽ hỗ trợ khá tốt cho thị trường.
- ▶ HNX-Index đang có xu hướng giao dịch tích lũy tại vùng điểm 74 - 76 điểm. Chúng tôi cho rằng nhịp tích lũy này là cần thiết khi TT đang không có nhiều tin tức hỗ trợ.
- ▶ NĐT ngắn hạn cần nhắc bán chốt lời, đặc biệt là các mã cổ phiếu có tính đầu cơ cao. Hạn chế việc mở vị thế mua mới.

HNX - Top 10 theo vốn hóa

Mã CK	SLCPLH (triệu)	Giá (000')	Vốn hóa (tỷ)	P/E (lần)	P/B (lần)	ROE	ROA
ACB	909.8	15.5	14,101.60	18.2	1.1	6.1%	0.5%
PVS	446.7	25.7	11,480.20	7.7	1.4	19.3%	6.2%
SQC	110.0	78.2	8,602.00	265.3	6.5	-2.4%	-2.0%
SHB	886.1	8.7	7,708.93	9.8	0.8	7.9%	0.7%
VCG	441.7	11.8	5,212.19	12.0	1.0	8.3%	1.8%
OCH	200.0	25.0	5,000.00	35.6	2.3	6.3%	3.1%
PVI	225.4	17.6	3,967.29	14.2	0.6	4.6%	2.1%
LAS	77.8	40.0	3,113.28	7.0	2.2	33.5%	17.5%
NTP	56.3	53.4	3,008.52	10.3	2.3	23.8%	16.0%
VNR	100.8	26.6	2,682.02	8.2	1.2	14.5%	7.0%

HNX - Cổ phiếu khuyến nghị theo dõi / mua / bán / nắm giữ

Mã CK	SLCPLH (triệu)	Giá (000')	Vốn hóa (tỷ)	P/E (lần)	P/B (lần)	Giá mục tiêu	Khuyến nghị
PGS	38.0	27.0	1,026.00	6.8	1.2	NA	TH.DOI
AAA	19.8	17.9	354.42	6.8	0.6	NA	TH.DOI
VND	96.9	13.6	1,318.34	9.8	1.1	NA	TH.DOI
NTP	56.3	53.4	3,008.52	10.3	2.3	NA	TH.DOI
PVC	50.0	15.0	750.00	9.1	0.9	NA	TH.DOI
DXP	7.9	38.2	300.82	6.1	1.5	NA	TH.DOI

FTSE Vietnam (UCITS ETF)

Ma CK	SGD	SLCPLH (triệu)	Vốn hóa (tỷ)	Tỷ trọng	Giá (000')	PE (lần)	PB (lần)	KLGDQB (10 ngày)	KLGDQB (1 tháng)	KLGDQB (3 tháng)
MSN	HOSE	734.9	72,756.22	15.35%	99.0	220.53	4.94	209,132	194,055	345,747
VIC	HOSE	894.2	57,678.51	14.46%	64.5	8.06	3.85	264,733	363,600	528,644
HPG	HOSE	481.9	23,613.50	11.74%	49.0	10.38	2.38	520,787	676,191	819,160
PVD	HOSE	275.3	22,984.05	8.68%	83.5	10.72	2.22	215,737	339,115	474,381
DPM	HOSE	379.9	12,043.92	8.01%	31.7	6.44	1.40	1,056,438	1,289,385	1,426,453
HAG	HOSE	718.2	16,804.82	7.98%	23.4	14.13	1.30	2,040,862	3,314,656	3,807,274
VCB	HOSE	2,317.4	66,046.39	6.11%	28.5	15.20	1.52	419,087	662,032	817,896
STB	HOSE	1,142.5	23,192.99	4.13%	20.3	10.60	1.40	1,914,042	1,440,277	1,143,108
BVH	HOSE	680.5	25,925.96	3.08%	38.1	21.92	2.16	387,164	529,505	523,089
ITA	HOSE	718.0	5,600.45	2.71%	7.8	98.65	0.72	4,982,768	5,917,128	9,094,087
HSG	HOSE	96.3	4,141.46	2.68%	43.0	10.68	1.89	99,927	181,120	219,274
GMD	HOSE	114.4	3,741.59	2.26%	32.7	122.06	0.83	367,373	396,430	400,632
PPC	HOSE	318.2	6,681.25	2.03%	21.0	7.46	1.21	413,650	577,317	833,990
VSH	HOSE	206.2	3,320.48	1.74%	16.1	15.65	1.26	398,396	563,542	778,406
CSM	HOSE	67.3	2,678.22	1.64%	39.8	7.28	2.08	256,424	367,286	555,403
KBC	HOSE	389.8	3,819.65	1.48%	9.8	22.34	0.77	585,261	775,822	1,148,549
DRC	HOSE	83.1	3,613.71	1.33%	43.5	9.59	2.51	150,025	208,953	325,907
PVT	HOSE	232.6	3,000.54	1.18%	12.9	12.61	1.06	563,491	664,551	1,417,872
DIG	HOSE	143.0	2,073.44	1.01%	14.5	37.82	0.87	184,989	327,331	580,060
OGC	HOSE	300.0	3,090.00	0.91%	10.3	47.24	1.00	1,415,205	2,057,069	3,124,187
PET	HOSE	69.8	1,040.65	0.87%	14.9	6.99	0.83	410,796	454,631	699,613

Công ty quản lý
Chỉ số tham chiếu

DB Platinum Advisors
FTST Vietnam Index

Ngày lập quỹ **15/01/2008**
Ngày lập chỉ số **14/05/2007**

SLCKVN **22/22**
TGTTSQL **361 mil.**

Market Vectors Vietnam ETF

Ma CK	SGD	SLCPLH (triệu)	Vốn hóa (tỷ)	Tỷ trọng	Giá (000')	PE (lần)	PB (lần)	KLGDQB (10 ngày)	KLGDQB (1 tháng)	KLGDQB (3 tháng)
PVS	HNX	446.7	11,480.20	5.37%	25.7	7.73	1.38	1,461,656	1,871,338	2,758,866
VIC	HOSE	894.2	57,678.51	8.00%	64.5	8.06	3.85	264,733	363,600	528,644
VCB	HOSE	2,317.4	66,046.39	7.00%	28.5	15.20	1.52	419,087	662,032	817,896
BVH	HOSE	680.5	25,925.96	6.50%	38.1	21.92	2.16	387,164	529,505	523,089
DPM	HOSE	379.9	12,043.92	5.79%	31.7	6.44	1.40	1,056,438	1,289,385	1,426,453
STB	HOSE	1,142.5	23,192.99	4.26%	20.3	10.60	1.40	1,914,042	1,440,277	1,143,108
PVD	HOSE	275.3	22,984.05	3.22%	83.5	10.72	2.22	215,737	339,115	474,381
ITA	HOSE	718.0	5,600.45	3.73%	7.8	98.65	0.72	4,982,768	5,917,128	9,094,087
SHB	HNX	886.1	7,708.93	2.86%	8.7	9.76	0.75	6,479,656	7,183,260	9,241,098
PPC	HOSE	318.2	6,681.25	1.58%	21.0	7.46	1.21	413,650	577,317	833,990
OGC	HOSE	300.0	3,090.00	2.33%	10.3	47.24	1.00	1,415,205	2,057,069	3,124,187
GMD	HOSE	114.4	3,741.59	1.62%	32.7	122.06	0.83	367,373	396,430	400,632
MSN	HOSE	734.9	72,756.22	8.00%	99.0	220.53	4.94	209,132	194,055	345,747
HAG	HOSE	718.2	16,804.82	2.83%	23.4	14.13	1.30	2,040,862	3,314,656	3,807,274
DRC	HOSE	83.1	3,613.71	1.28%	43.5	9.59	2.51	150,025	208,953	325,907
VCG	HNX	441.7	5,212.19	3.58%	11.8	11.98	0.96	2,272,486	2,316,892	2,852,069
PVT	HOSE	232.6	3,000.54	2.05%	12.9	12.61	1.06	563,491	664,551	1,417,872

Công ty quản lý
Chỉ số tham chiếu

Van Eck Global
Market Vector Vietnam Index

Ngày lập quỹ **08/11/2009**
Ngày lập chỉ số **24/11/2008**

SLCKVN **17/27**
TGTTSQL **439.5 mil.**

MSCI Frontier Market Index ETF

Ma CK	SGD	SLCPLH (triệu)	Vốn hóa (tỷ)	Tỷ trọng	Giá (000')	PE (lần)	PB (lần)	KLGDQB (10 ngày)	KLGDQB (1 tháng)	KLGDQB (3 tháng)
VIC	HOSE	894.2	57,678.51	0.00%	64.5	8.06	3.85	264,733	363,600	528,644
MSN	HOSE	734.9	72,756.22	0.00%	99.0	220.53	4.94	209,132	194,055	345,747
DPM	HOSE	379.9	12,043.92	0.00%	31.7	6.44	1.40	1,056,438	1,289,385	1,426,453
HAG	HOSE	718.2	16,804.82	0.00%	23.4	14.13	1.30	2,040,862	3,314,656	3,807,274
VCB	HOSE	2,317.4	66,046.39	0.00%	28.5	15.20	1.52	419,087	662,032	817,896
STB	HOSE	1,142.5	23,192.99	0.00%	20.3	10.60	1.40	1,914,042	1,440,277	1,143,108
BVH	HOSE	680.5	25,925.96	0.00%	38.1	21.92	2.16	387,164	529,505	523,089
CTG	HOSE	3,723.4	53,989.37	0.00%	14.5	8.58	0.98	319,585	476,585	802,745
GAS	HOSE	1,895.0	186,657.50	0.00%	98.5	16.51	5.23	423,889	530,898	430,084

Công ty quản lý: **Royal Bank of Scotland** Ngày lập quỹ: **19/09/2011** SLCKVN: **9/142**
 Chỉ số tham chiếu: **MSCI Frontier Markets Index** Ngày lập chỉ số: **30/11/2007** TGTTSQL: **22.25 mil.**

iShares MSCI Frontier 100 Index Fund

Ma CK	SGD	SLCPLH (triệu)	Vốn hóa (tỷ)	Tỷ trọng	Giá (000')	PE (lần)	PB (lần)	KLGDQB (10 ngày)	KLGDQB (1 tháng)	KLGDQB (3 tháng)
MSN	HOSE	734.9	72,756.22	0.81%	99.0	220.53	4.94	209,132	194,055	345,747
VIC	HOSE	894.2	57,678.51	0.55%	64.5	8.06	3.85	264,733	363,600	528,644
DPM	HOSE	379.9	12,043.92	0.26%	31.7	6.44	1.40	1,056,438	1,289,385	1,426,453
VCB	HOSE	2,317.4	66,046.39	0.20%	28.5	15.20	1.52	419,087	662,032	817,896
STB	HOSE	1,142.5	23,192.99	0.14%	20.3	10.60	1.40	1,914,042	1,440,277	1,143,108
BVH	HOSE	680.5	25,925.96	0.10%	38.1	21.92	2.16	387,164	529,505	523,089

Công ty quản lý: **iShares** Ngày lập quỹ: **12/09/2012** SLCKVN: **6/102**
 Chỉ số tham chiếu: **MSCI Frontier 100 Index** Ngày lập chỉ số: **30/11/2007** TGTTSQL: **519.45 mil.**

iShares MSCI Vietnam Investable Market Index Fund ETF

Ma CK	SGD	SLCPLH (triệu)	Vốn hóa (tỷ)	Tỷ trọng	Giá (000')	PE (lần)	PB (lần)	KLGDQB (10 ngày)	KLGDQB (1 tháng)	KLGDQB (3 tháng)
-------	-----	-------------------	-----------------	----------	---------------	-------------	-------------	---------------------	---------------------	---------------------

Công ty quản lý: **iShares** Ngày lập quỹ: SLCKVN
 Chỉ số tham chiếu: **MSCI VN Investable Market Indx** Ngày lập chỉ số: **01/12/2010** TGTTSQL: **4,752.96 mil.**

Chỉ số bình quân ngành	Vốn hóa (tỷ)	P/E	P/B	ROE	ROA
Hóa chất & Tài nguyên cơ bản					
Hóa Chất					
Nhựa, cao su & sợi	7,153	6.0	0.9	15.7%	10.7%
Sản phẩm hóa dầu, Nông dược & Hóa chất khác	18,669	7.0	1.5	21.1%	15.3%
Lâm nghiệp và giấy					
Lâm sản và Chế biến gỗ	1,670	20.2	0.7	3.2%	2.1%
Sản xuất giấy	756	7.8	0.8	11.2%	5.7%
Kim loại					
Thép và sản phẩm thép	35,645	19.3	2.0	18.1%	7.7%
Khai khoáng					
Khai thác than	1,593	4.0	0.7	18.3%	3.8%
Khai khoáng	11,853	54.1	5.1	1.8%	1.2%
Xây dựng và vật liệu					
Xây dựng và vật liệu					
Vật liệu xây dựng & Nội thất	19,126	16.0	1.3	12.2%	8.6%
Xây dựng	27,704	- 38.7	1.1	-6.9%	1.3%
Hàng và dịch vụ công nghiệp					
Hàng công nghiệp					
Containers & Đóng gói	2,026	7.0	1.0	16.7%	8.8%
Công nghiệp phức hợp	365	3.4	0.7	21.9%	15.8%
Điện tử và thiết bị điện					
Hàng điện & điện tử	1,676	9.5	0.9	8.1%	4.0%
Thiết bị điện	1,533	- 14.8	0.6	-0.9%	-1.4%
Công nghiệp nặng					
Xe tải & Đóng tàu	39	24.4	0.5	2.2%	1.5%
Máy công nghiệp	7,536	5.8	1.2	21.2%	14.6%
Vận tải					
Vận tải thủy	7,944	- 1.5	0.8	2.0%	-0.4%
Kho bãi, hậu cần và bảo dưỡng	10,482	12.7	1.4	16.3%	12.4%
Dịch vụ vận tải	5,822	7.8	1.5	18.8%	11.3%
Tư vấn & hỗ trợ kinh doanh					
Tư vấn & Hỗ trợ KD	2,969	10.0	1.2	12.7%	4.5%
Đào tạo & Việc làm	199	9.4	0.6	8.1%	2.6%
Nhà cung cấp thiết bị	170	7.9	0.7	10.2%	4.4%
Chất thải & Môi trường	157	2.4	0.7	35.3%	17.0%
Ô tô và Phụ tùng					
Ô tô và Phụ tùng					
Sản xuất ô tô	2,214	12.5	2.0	14.1%	8.4%
Lốp xe	6,817	8.3	2.2	29.1%	12.8%
Thực phẩm và đồ uống					
Bia và đồ uống					
Sản xuất bia	1,732	6.7	1.1	15.9%	8.6%
Vang & Rượu mạnh	287	10.7	1.9	19.7%	12.3%
Đồ uống & giải khát	247	7.1	1.3	14.3%	9.7%
Sản phẩm thực phẩm					
Nuôi trồng nông & hải sản	15,094	9.3	1.2	14.6%	6.5%
Thực phẩm	202,567	23.1	4.8	21.1%	16.3%
Hàng cá nhân và gia dụng					
Hàng gia dụng					
Đồ gia dụng lâu bền	47	37.5	0.6	1.6%	1.2%
Thiết bị gia dụng	2,047	7.9	0.9	12.7%	6.2%
Hàng hóa giải trí					
Điện tử tiêu dùng	135	8.1	1.3	13.5%	9.4%
Hàng cá nhân					
Hàng may mặc	2,858	7.9	1.4	17.7%	7.0%
Giày dép	8	- 1.1	0.5	-33.3%	-19.0%
Hàng cá nhân	4,883	8.9	1.8	16.8%	9.1%
Thuốc lá					
Thuốc lá	704	- 8.4	1.1	0.0%	4.2%

Chỉ số bình quân ngành	Vốn hóa (tỷ)	P/E	P/B	ROE	ROA
Y tế					
Thiết bị và dịch vụ y tế					
Thiết bị y tế	795	14.3	0.8	4.9%	2.9%
Dụng cụ y tế	143	3.4	1.8	31.8%	13.0%
Dược phẩm					
Công nghệ sinh học	174	8.2	1.1	13.2%	9.3%
Dược phẩm	15,321	12.2	3.2	25.6%	16.9%
Bán lẻ					
Phân phối thực phẩm và dược					
Phân phối thực phẩm	378	49.5	1.2	2.4%	0.7%
Bán lẻ					
Bán lẻ phức hợp	741	13.2	1.2	13.0%	8.5%
Phân phối hàng chuyên dụng	2,036	8.2	1.3	14.8%	3.2%
Truyền thông, Du lịch và Giải trí					
Truyền thông					
Dịch vụ truyền thông	10	2.7	0.5	18.3%	11.3%
Sách, ấn bản & sản phẩm văn hóa	1,006	8.0	0.9	12.0%	8.0%
Du lịch và giải trí					
Hàng không	168	7.4	3.2	52.7%	27.1%
Khách sạn	5,745	36.0	2.6	6.0%	3.2%
Dịch vụ giải trí	2,131	26.8	1.4	15.5%	13.1%
Vận tải hành khách & Du lịch	1,123	20.9	1.9	15.7%	14.0%
Viễn Thông & Công nghệ thông tin					
Viễn thông cố định					
Viễn thông cố định	51	11.9	0.4	3.1%	1.6%
Phần mềm và dịch vụ máy tính					
Dịch vụ máy tính	506	20.1	0.6	3.1%	1.2%
Internet	281	59.3	0.7	1.1%	0.2%
Phần mềm	15,845	9.7	2.0	22.1%	9.6%
Thiết bị và phần cứng					
Phần cứng	412	14.8	0.7	4.1%	1.6%
Thiết bị văn phòng	281	5.5	1.1	20.0%	14.9%
Thiết bị viễn thông	1,981	13.4	0.7	5.1%	3.6%
Điện nước, xăng dầu và khí đốt					
Sản xuất & phân phối điện					
Sản xuất & phân phối điện	25,253	-	6.7	-4.4%	3.5%
Nước & khí đốt					
Phân phối xăng dầu & khí đốt	191,621	16.0	5.1	32.9%	22.1%
Nước	1,181	6.4	1.0	16.8%	11.2%
Bảo hiểm, Dịch vụ tài chính, Ngân hàng, Bất động sản					
Bảo hiểm phi nhân thọ					
Bảo hiểm phức hợp	1,176	5.2	0.8	15.1%	5.0%
Bảo hiểm phi nhân thọ	5,988	11.3	0.6	5.9%	2.7%
Tái bảo hiểm	2,904	8.2	1.2	14.5%	7.0%
Bảo hiểm nhân thọ					
Bảo hiểm nhân thọ	27,015	21.9	2.2	10.0%	2.3%
Dịch vụ tài chính					
Tài chính đặc biệt	3,210	47.2	1.0	2.1%	0.6%
Môi giới chứng khoán	22,494	12.2	1.2	8.2%	6.3%
Ngân hàng					
Ngân hàng	240,495	10.8	1.2	11.1%	0.9%
Bất động sản					
Bất động sản	133,770	11.3	2.5	28.6%	7.0%
Tư Vấn, Định giá, Môi giới Bất động sản	5	8.9	0.5	5.5%	2.5%
Dầu khí					
Thiết bị, dịch vụ và phân phối					
Thiết bị và Dịch vụ Dầu khí	36,189	9.5	1.9	20.5%	8.5%

- | | | | |
|---------------------------|--|--------------------------|--|
| ▶ Nguyễn Hữu Quang | Giám đốc Tư vấn Đầu tư
quangnh@vietinbanksc.com.vn | | |
| ▶ Nguyễn Quang Sắc | sacnq@vietinbanksc.com.vn
- Tổng hợp thông tin vĩ mô
- Phân tích kỹ thuật
- Nhận định, bình luận thị trường | ▶ Nguyễn Thu Hằng | hangntt@vietinbanksc.com.vn
- Ngân hàng
- Thép và sản phẩm thép
- Dược phẩm |
| ▶ Nguyễn Hoài Nam | namnh@vietinbanksc.com.vn
- Sản phẩm hóa dầu
- Phân phối xăng dầu, khí đốt
- Thiết bị và dịch vụ dầu khí | ▶ Vũ Ánh Nguyệt | nguyetva@vietinbanksc.com.vn
- Nhựa, cao su, sợi
- Thực phẩm
- Nuôi trồng nông và hải sản |

Bản báo cáo này được chuẩn bị cho mục đích duy nhất là cung cấp thông tin và không nhằm đưa ra bất kỳ đề nghị hay hướng dẫn mua bán chứng khoán cụ thể nào. Các quan điểm và khuyến cáo được trình bày trong bản báo cáo này không tính đến sự khác biệt về mục tiêu, nhu cầu, chiến lược và hoàn cảnh cụ thể của từng nhà đầu tư. Ngoài ra, nhà đầu tư cũng ý thức có thể có các xung đột lợi ích ảnh hưởng đến tính khách quan của bản báo cáo này. Nhà đầu tư nên xem báo cáo này như một nguồn tham khảo khi đưa ra quyết định đầu tư và phải chịu toàn bộ trách nhiệm đối với quyết định đầu tư của chính mình. VietinBankSc tuyệt đối không chịu trách nhiệm đối với toàn bộ hay bất kỳ thiệt hại nào, hay sự kiện bị coi là thiệt hại, đối với việc sử dụng toàn bộ hoặc từng phần thông tin hay ý kiến nào của bản báo cáo này.

Toàn bộ các quan điểm thể hiện trong báo cáo này đều là quan điểm cá nhân của người phân tích. Không có bất kỳ một phần thu nhập nào của người phân tích liên quan trực tiếp hoặc gián tiếp đến các khuyến cáo hay quan điểm cụ thể trong bản báo cáo này.

Thông tin sử dụng trong báo cáo này được VietinBankSc thu thập từ những nguồn mà chúng tôi cho là đáng tin cậy. Tuy nhiên, chúng tôi không đảm bảo rằng những thông tin này là hoàn chỉnh hoặc chính xác. Các quan điểm và ước tính trong đánh giá của chúng tôi có giá trị đến ngày ra báo cáo và có thể thay đổi mà không cần báo cáo trước.

Bản báo cáo này được giữ bản quyền và là tài sản của VietinBankSc. Mọi sự sao chép, chuyển giao hoặc sửa đổi trong bất kỳ trường hợp nào mà không có sự đồng ý của VietinBankSc đều trái luật.

Bản quyền thuộc VietinBankSc, 2013. Vui lòng trích nguồn khi sử dụng các thông tin trong bản báo cáo này.